

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15-01-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 11 năm 2017 và ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 113/2016/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2016 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 998/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Bá C, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 10/239 (số cũ 39/239) đường Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: G, Cộng hoà liên bang Đức.

Anh Trần Bá C có mặt; chị Phạm Thị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, nguyên đơn anh Trần Bá C trình bày:

Anh C và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/4/1995 tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không thành. Năm 2014, chị T đi làm ăn kinh tế tại Đức

và không liên lạc với gia đình. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh C đề nghị được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là Trần Bá H, sinh ngày 31/8/1995 đã trưởng thành nên anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh C và chị T không có tài sản chung nên Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng lấy lời khai đối với chị Phạm Thị T và đã có văn bản đề nghị Bộ tư pháp thông báo về việc thực hiện văn bản tố tụng theo quy định khoản 2 Điều 474 và khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đến thời điểm mở phiên tòa lần 2 chị T vắng mặt không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện .

Tại phiên tòa anh Trần Bá C giữ nguyên quan điểm như trình bày tại đơn khởi kiện.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 Điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 207, Điểm c khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng : Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình: Cho Anh C được ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị T là bị đơn hiện đang cư trú tại Cộng hoà liên bang Đức. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Toà án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Phạm Thị T theo quy định khoản 2 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, đến nay Toà án vẫn chưa nhận được kết quả uỷ thác tư pháp đối với chị Phạm Thị T. Vì vậy căn cứ điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Toà án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Bá C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/4/1995 tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Anh C và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2014 chị T đi làm ăn kinh tế tại Đức không liên lạc về gia đình, hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay.

Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và Anh C không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh Trần Bá C ly hôn với chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Anh C và chị T có 01 con chung là Trần Bá H, sinh ngày 31/8/1995. Con chung đã trưởng thành Anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết

- Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Chị T và Anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, điểm c khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bá C:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Bá C được ly hôn với chị Phạm Thị T.
2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, anh Trần Bá C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh Trần Bá C không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp:

Anh Trần Bá C chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng lệ phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số 0003659 ngày 07 tháng 10 năm 2016 và 150.000 đồng tạm ứng lệ phí uỷ thác tư pháp theo biên lai số 0003679 ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Bá C đã nộp đủ.

Anh Trần Bá C có nghĩa vụ nộp lệ phí uỷ thác tư pháp để tổng đạt bản án cho chị Phạm Thị T.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Bá C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Phạm Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy